

Số: 17 / BC-QLCL

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Ý kiến của sinh viên năm cuối đánh giá chất lượng đào tạo của CSGD
trước khi tốt nghiệp tại Trường, năm 2021

Kính gửi: Hiệu trưởng

Căn cứ Kế hoạch Khảo sát số 5/KH-QLCL ngày 01/11/2021 của Phòng Quản lý chất lượng về việc lấy ý kiến của sinh viên năm cuối đánh giá chất lượng đào tạo của CSGD trước khi tốt nghiệp tại Trường, năm 2021, đã được Hiệu trưởng phê duyệt; Phòng báo cáo kết quả như sau:

1. Mục đích

- Tiếp thu ý kiến đóng góp của sinh viên (SV), hiểu rõ hơn tâm tư, nguyện vọng của người học trong quá trình đào tạo;
- Giúp cán bộ quản lý có cơ sở đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo của Trường;
- Trường có căn cứ điều chỉnh chương trình đào tạo, các hoạt động giảng dạy của giảng viên, đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo;
- Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Yêu cầu

- SV hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tự nguyện và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo mẫu câu hỏi khảo sát do CSGD thiết kế.
- Thông tin phản hồi từ SV được xử lý khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích.

3. Thời gian thực hiện

Tháng 11 năm 2021.

4. Đối tượng, phạm vi thực hiện

SV các lớp năm cuối thuộc 36 chuyên ngành đào tạo trước khi tốt nghiệp (khóa 2016 ngành Y đa khoa, khóa 2017 ngành Thú y) và các lớp khóa 2018 những ngành khác của các Khoa trong Trường.

5. Nội dung:

- Gồm có 20 câu hỏi, được sử dụng để thu thập ý kiến của sinh viên về đánh giá chất lượng đào tạo của CSGD trước khi tốt nghiệp tại Trường.
- Sự hài lòng của SV thể hiện ở 5 mức độ: **1-Rất không hài lòng; 2-Không hài lòng; 3-Bình thường; 4-Hài lòng; 5-Rất hài lòng.**

6. Phương pháp chọn mẫu, thu thập thông tin, xử lý dữ liệu

- Lưu trữ và xử lý dữ liệu bằng phần mềm Microsoft Excel 2010.
- Tỷ lệ **hài lòng** là tổng số ý kiến “Rất hài lòng” và “Hài lòng” / tổng số ý kiến.
- **Điểm số mức độ hài lòng** là số điểm trung bình (TB) của từng câu hỏi (cách tính điểm số hài lòng theo thang Likert).

7. Kết quả khảo sát

Đã khảo sát được 858 SV năm cuối trước khi tốt nghiệp của 8 Khoa gồm 36 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học trong Trường (Y dược: 408; Nông Lâm nghiệp: 53; Kinh tế: 108; Sư phạm: 99; Lý luận Chính trị: 14; Ngoại ngữ: 86; Chăn nuôi Thú y: 66; KHTN-CN: 24). Kết quả sinh viên của từng Khoa đánh giá chất lượng đào tạo như sau:

7.1. Khoa Y Dược

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho sinh viên, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV	17.6	42.9	39.5	3.2
2.	Chương trình đào tạo được cập nhật thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ	17.2	39.7	43.1	3.3
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	9.8	33.6	56.6	3.6
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	9.8	33.1	57.1	3.6
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV	8.8	33.6	57.6	3.6
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	12.5	33.6	53.9	3.5
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	10.0	34.8	55.1	3.5
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	15.2	36.0	48.8	3.4
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý	21.3	33.6	45.1	3.3
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	12.0	37.0	51.0	3.5
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV	8.3	35.0	56.6	3.6
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV	15.0	35.5	49.5	3.4
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV	16.2	38.0	45.8	3.3
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên	14.7	38.0	47.3	3.4
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV	15.7	40.9	43.4	3.3
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV	18.4	37.3	44.4	3.3
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường	13.7	39.2	47.1	3.4
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được	23.3	33.1	43.6	3.2
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV	10.0	43.4	46.6	3.4
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường	16.2	37.3	46.6	3.3
TRUNG BÌNH		14.3	36.8	48.9	3.4

7.2. Khoa Nông Lâm nghiệp

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho sinh viên, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV	3.8	43.4	52.8	3.7
2.	Chương trình đào tạo được cập nhật thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ	9.4	30.2	60.4	3.7
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	3.8	30.2	66.0	3.9
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	5.7	32.1	62.3	3.8
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV	7.5	26.4	66.0	3.8
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	3.8	28.3	67.9	3.8
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	3.8	28.3	67.9	3.9
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	9.4	28.3	62.3	3.7
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý	3.8	37.7	58.5	3.8
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	9.4	30.2	60.4	3.7
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV	5.7	35.8	58.5	3.7
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV	11.3	34.0	54.7	3.6
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV	1.9	39.6	58.5	3.7
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên	3.8	37.7	58.5	3.7
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV	5.7	35.8	58.5	3.7
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV	5.7	35.8	58.5	3.8
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường	3.8	35.8	60.4	3.8
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được	5.7	32.1	62.3	3.8
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV	3.8	30.2	66.0	3.8
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường	3.8	34.0	62.3	3.8
TRUNG BÌNH		5.6	33.3	61.1	3.8

7.3. Khoa Kinh tế

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho sinh viên, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV	2.8	39.8	57.4	3.6
2.	Chương trình đào tạo được cập nhật thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ	3.7	34.3	62.0	3.7
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	5.6	28.7	65.7	3.7
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	4.6	30.6	64.8	3.7
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV	3.7	31.5	64.8	3.7
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	2.8	28.7	68.5	3.8
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	3.7	33.3	63.0	3.7
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	8.3	31.5	60.2	3.6
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý	10.2	36.1	53.7	3.5
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	5.6	33.3	61.1	3.7
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV	6.5	32.4	61.1	3.6
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV	10.2	38.0	51.9	3.5
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV	9.3	32.4	58.3	3.6
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên	8.3	25.0	66.7	3.6
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV	6.5	37.0	56.5	3.6
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV	7.4	29.6	63.0	3.6
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường	7.4	33.3	59.3	3.6
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được	13.0	32.4	54.6	3.5
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV	7.4	37.0	55.6	3.5
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường	7.4	34.3	58.3	3.6
TRUNG BÌNH		6.7	33.0	60.3	3.6

7.4. Khoa Sư phạm

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho sinh viên, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV	3.0	18.2	78.8	4.0
2.	Chương trình đào tạo được cập nhật thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ	2.0	18.2	79.8	4.0
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	3.0	15.2	81.8	4.1
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	2.0	14.1	83.8	4.0
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV	3.0	22.2	74.7	4.0
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	2.0	16.2	81.8	4.1
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	2.0	18.2	79.8	4.0
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	4.0	18.2	77.8	3.9
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý	6.1	24.2	69.7	3.8
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	5.1	18.2	76.8	3.9
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV	3.0	22.2	74.7	3.9
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV	7.1	22.2	70.7	3.8
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV	3.0	22.2	74.7	3.9
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên	6.1	17.2	76.8	3.9
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV	2.0	26.3	71.7	3.9
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV	4.0	23.2	72.7	3.9
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường	4.0	19.2	76.8	3.9
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được	4.0	16.2	79.8	4.0
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV	3.0	17.2	79.8	4.0
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường	3.0	19.2	77.8	4.0
TRUNG BÌNH		3.6	19.4	77.0	4.0

7.5. Khoa Lý luận Chính trị

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho sinh viên, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV	7.1	42.9	50.0	3.4
2.	Chương trình đào tạo được cập nhật thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ	7.1	35.7	57.1	3.6
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	7.1	21.4	71.4	3.6
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	7.1	21.4	71.4	3.7
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV	7.1	35.7	57.1	3.6
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	7.1	35.7	57.1	3.7
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	7.1	21.4	71.4	3.6
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	7.1	35.7	57.1	3.7
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý	7.1	35.7	57.1	3.6
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	21.4	28.6	50.0	3.3
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV	7.1	42.9	50.0	3.7
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV	7.1	35.7	57.1	3.6
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV	7.1	50.0	42.9	3.5
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên	0.0	57.1	42.9	3.6
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV	14.3	28.6	57.1	3.6
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV	0.0	42.9	57.1	3.7
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường	7.1	35.7	57.1	3.6
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được	7.1	28.6	64.3	3.8
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV	0.0	42.9	57.1	3.7
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường	7.1	35.7	57.1	3.6
TRUNG BÌNH		7.1	35.7	57.2	3.6

7.6. Khoa Ngoại ngữ

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho sinh viên, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV	4.7	39.5	55.8	3.6
2.	Chương trình đào tạo được cập nhật thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ	12.8	32.6	54.7	3.5
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	2.3	24.4	73.3	3.8
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	0.0	27.9	72.1	3.9
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV	3.5	18.6	77.9	4.0
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	2.3	26.7	70.9	3.8
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	4.7	30.2	65.1	3.8
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	1.2	30.2	68.6	3.9
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý	7.0	39.5	53.5	3.6
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	7.0	34.9	58.1	3.7
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV	5.8	23.3	70.9	3.9
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV	8.1	36.0	55.8	3.6
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV	5.8	27.9	66.3	3.7
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên	7.0	26.7	66.3	3.8
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV	8.1	36.0	55.8	3.6
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV	9.3	31.4	59.3	3.5
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường	3.5	41.9	54.7	3.6
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được	9.3	33.7	57.0	3.6
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV	3.5	34.9	61.6	3.7
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường	5.8	29.1	65.1	3.7
TRUNG BÌNH		5.6	31.3	63.1	3.7

7.7. Khoa Chăn nuôi Thú y

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho sinh viên, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV	6.1	48.5	45.5	3.5
2.	Chương trình đào tạo được cập nhật thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ	6.1	45.5	48.5	3.5
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	3.0	39.4	57.6	3.6
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	3.0	39.4	57.6	3.6
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV	4.5	33.3	62.1	3.7
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	3.0	39.4	57.6	3.7
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	4.5	47.0	48.5	3.5
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	3.0	37.9	59.1	3.7
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý	4.5	47.0	48.5	3.5
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	7.6	45.5	47.0	3.5
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV	3.0	43.9	53.0	3.6
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV	7.6	48.5	43.9	3.4
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV	4.5	40.9	54.5	3.6
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên	3.0	43.9	53.0	3.6
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV	4.5	47.0	48.5	3.5
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV	7.6	42.4	50.0	3.5
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường	7.6	43.9	48.5	3.5
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được	7.6	43.9	48.5	3.5
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV	3.0	48.5	48.5	3.5
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường	4.5	47.0	48.5	3.5
TRUNG BÌNH		4.9	43.6	51.5	3.6

7.8. Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho sinh viên, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV	16.7	25.0	58.3	3.5
2.	Chương trình đào tạo được cập nhật thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ	20.8	25.0	54.2	3.4
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	20.8	16.7	62.5	3.6
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	16.7	16.7	66.7	3.7
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV	16.7	16.7	66.7	3.7
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	20.8	16.7	62.5	3.5
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	20.8	12.5	66.7	3.5
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	16.7	16.7	66.7	3.7
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý	16.7	29.2	54.2	3.5
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	20.8	29.2	50.0	3.3
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV	16.7	25.0	58.3	3.5
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV	16.7	37.5	45.8	3.4
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV	20.8	25.0	54.2	3.4
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên	16.7	29.2	54.2	3.5
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV	16.7	16.7	66.7	3.6
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV	16.7	25.0	58.3	3.5
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường	16.7	25.0	58.3	3.5
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được	25.0	16.7	58.3	3.4
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV	20.8	20.8	58.3	3.5
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường	20.8	20.8	58.3	3.5
TRUNG BÌNH		18.8	22.2	59.0	3.5

* **Ý kiến khác:** Có 21.4% số SV các lớp, các ngành, các Khoa góp ý như sau:

- **Khoa Y Dược:**

- + Thầy cô giảng dạy nhiệt tình, có tâm huyết với nghề và thương sinh viên;
- + Cơ sở vật chất còn thiếu, Thư viện chưa đủ sách chuyên khảo cho SV nghiên cứu;
- + Trường cần đầu tư vào Bộ môn Xét nghiệm nhiều hơn, cơ sở phòng thực hành, phòng thí nghiệm còn thiếu hóa chất, thiết bị;
- + Mỗi bộ môn nên cung cấp tài liệu và đề cương để sinh viên có thể học tập hiệu quả;
- + Thời gian thực tập lâm sàng của SV ngành Y quá ngắn, cần điều chỉnh phù hợp. Trường nên sắp xếp dạy xong lý thuyết rồi hãy cho SV đi thực tập lâm sàng; thiếu GV hướng dẫn lâm sàng tại bệnh viện; nên cho SV đi thực tập ngoài tỉnh nhiều hơn;
- + Kế hoạch học tập thay đổi nên báo cho SV biết sớm;
- + Trợ lý khoa nên tạo điều kiện thuận lợi, nhiệt tình hỗ trợ SV trong việc sắp xếp lịch học, lịch đi lâm sàng, thực tập và lịch thi.

- **Khoa Nông Lâm nghiệp:**

- + Khoa nên có các hoạt động hướng nghiệp cho SV sắp ra trường;
- + Mong quý thầy cô giúp đỡ các em SV trong học tập;
- + GV nên công bằng với SV hơn trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập;
- + Tài liệu học tập của Thư viện cần bổ sung thêm cho phong phú.

- **Khoa Kinh tế:**

- + Cho SV hoạt động ngoại khoá và thực hành nhiều hơn;
- + Viên chức một số đơn vị chức năng cần gần gũi hỗ trợ SV;
- + Sắp xếp lịch học sớm và linh động;
- + Sửa chữa thiết bị tại các phòng học, nâng cấp mạng Internet trong Trường;
- + Việc thi học kỳ còn gây nhiều áp lực cho SV, nên đổi thành tiểu luận để đánh giá kết thúc học phần.

- **Khoa Sư phạm:**

- + Chất lượng học tập tốt, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của SV;
- + Nên tổ chức kiểm tra đánh giá song hành giữa kiến thức lí thuyết và thực hành, thực tế, giảm áp lực cho sinh viên trong quá trình học tập và thi;
- + Điều chỉnh lại chương trình đào tạo phù hợp với thực tế;
- + Thêm các hoạt động trải nghiệm thực tế cho SV;
- + Mong Trường ngày càng phát triển, tự hào là SV của Trường Đại học Tây Nguyên.

- **Khoa Lý luận Chính trị:**

- + Tạo nhiều cơ hội cọ sát thực tế cho sinh viên;
- + Hải lòng với chất lượng đào tạo của Trường.

- **Khoa Ngoại ngữ:**

- + Trường nên tổ chức nhiều hoạt động tình nguyện hơn cho SV;
- + Nên cho thi kết thúc môn học ngay sau khi học xong khoảng 1 tuần;
- + Nên cải cách chương trình đào tạo;
- + Giảng viên ra đề cương cho SV ôn tập cần bám sát nội dung dạy-học của học phần;
- + Thư viện cần có thêm nhiều tài liệu tham khảo, chuyên khảo về môn Tiếng Anh;
- + Chương trình đạo tạo khá phù hợp với SV ngoại ngữ.

- **Khoa Chăn nuôi Thú y:**

- + Mong nhà trường cho sinh viên có nhu cầu được học vượt kể cả trong học kì hè;
- + Cần dạy thêm cho SV học phần kĩ năng;
- + Hải lòng về chế độ, môi trường học tập và chất lượng đào tạo của Trường.

- **Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ:**

- + Chuyên viên các đơn vị chức năng nên nhiệt tình, vui vẻ khi tiếp xúc, hướng dẫn SV;
- + Tạo điều kiện cho những SV có nguyện vọng xem lại bài thi kết thúc học phần;
- + Cố vấn học tập cần quan tâm hơn tới nhu cầu của SV;
- + Giảng viên nên linh động trong việc truyền đạt kiến thức các học phần cho SV.

8. Nhận xét chung

Việc khảo sát SV năm cuối đánh giá chất lượng đào tạo của CSGD trước khi tốt nghiệp để biết được nhu cầu, nguyện vọng của người học nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

Những thông tin do người học cung cấp sẽ góp phần quan trọng vào việc đánh giá thực trạng của chương trình đào tạo, của đội ngũ giảng viên, hệ thống cơ sở vật chất, Thư viện và thái độ phục vụ của viên chức. Qua đây, Trường có thêm những căn cứ khoa học để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, phương pháp dạy học của GV, đầu tư thêm cơ sở vật chất, phục vụ người học tốt hơn,... đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của xã hội.

Kết quả khảo sát là một kênh quan trọng để biết được thực trạng chất lượng đào tạo của Trường. Có số liệu báo cáo Cục Quản lý chất lượng, công khai điều kiện ĐBCLGD, công khai chất lượng tới các bên liên quan, có số liệu, minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài.

9. Kiến nghị

- Trường cần đầu tư nâng cấp thêm cơ sở vật chất như phòng học, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, mạng Internet, Thư viện,... để phục vụ tốt hơn nhu cầu của SV và giảng viên.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên.
- Điều chỉnh phong cách, thái độ phục vụ của viên chức một số đơn vị nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong xu thế hội nhập.
- Các đơn vị trong Trường căn cứ kết quả khảo sát để có kế hoạch rà soát, cải tiến, nâng cao chất lượng trong hoạt động đào tạo, công tác của đơn vị.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu và HĐT (để báo cáo);
- Các đơn vị (để biết và thực hiện);
- Đăng Website của Trường;
- Lưu: QLCL.

TRƯỜNG PHÒNG



TH.S. Huỳnh Văn Quốc